

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48 /2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/9/2021

V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia
đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY- TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Bộ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Hồng Canh.

2. Ông Nguyễn Thành Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Mạnh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2021/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1991.

Nơi ĐKKHKT: Khu 7, xã TV, huyện Thanh Thủy, Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 6, xã Đồng Trung, Thanh Thủy, Phú Thọ. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phùng Thế A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu 7, xã TV, huyện Thanh Thủy, Phú Thọ.

(Anh Anh vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh chị kết hôn ngày 17/10/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị sống chung với nhà chồng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh

phúc. Nhưng dần dần xảy ra mâu thuẫn. Anh Thế Anh thường xuyên uống rượu, gây sự với chị và gia đình. Thậm trí còn có hành vi bạo hành đối với chị. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị ly hôn với anh Phùng Thế A.

+ Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung:

Cháu Phùng Thị Mai H, sinh ngày 18/5/2012.

Cháu Phùng Thị Mai L, sinh ngày 24/10/2014.

Hiện nay hai cháu đang ở với bố. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Phùng Thị Mai H đến khi cháu thành niên. Anh Phùng Thế A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Thị Mai L cho đến khi cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện nay chị đang là công nhân thu nhập bình quân hàng tháng là 7,5 triệu đồng đến 8 triệu đồng.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn anh Phùng Thế A trình bày như sau:

+Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Thế A nhất trí phần trình bày của chị Phùng Thị Nụ về thời gian, điều kiện kết hôn, hôn nhân tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị đi làm ở Bắc Ninh đến năm 2014 thì về ở cùng bố mẹ anh. Trong quá trình chung sống thỉnh thoảng anh có uống rượu, về muộn nên vợ chồng có trục trặc cãi nhau. Chị Nụ đã về nhà bố mẹ đẻ ở hơn 1 tháng. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tuy nhiên anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn xin được đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con cái.

+ Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung:

Cháu Phùng Thị Mai H, sinh ngày 18/5/2012.

Cháu Phùng Thị Mai L, sinh ngày 24/10/2014.

Hiện nay hai cháu đang ở với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu cho đến khi hai cháu thành niên. Anh không yêu cầu chị Nụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang là lao động tự do. Thu nhập trung bình 1 tháng là 6 triệu – 7 triệu đồng.

+Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Anh Anh xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phùng Thế A.

- Về con chung:

+ Giao cháu Phùng Thị Mai H, sinh ngày 18/5/2012 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ khai bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hương thành niên.

+ Giao cháu Phùng Thị Mai L, sinh ngày 24/10/2014 cho anh Phùng Thế A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ khai bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ly thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Chị Nụ và anh Thế Anh đều xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã làm đúng các trình tự theo quy định của pháp luật. Tòa án đã báo gọi và triệu tập các đương sự đến Tòa án để làm việc và hòa giải nhưng tại các phiên hòa giải chị Nụ và anh Anh đã không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Anh Anh vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Thế A kết hôn từ ngày 17/10/2011. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Thế A là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Thế Anh thường xuyên đi uống rượu say, về nhà muộn, khi về nhà có hành vi bạo lực đối với chị N, hai bên thường xuyên cãi vã. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7 năm 2021. Mặc dù anh Phùng Thế A có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình nhưng từ khi chị N về nhà ngoại đến nay anh không thay đổi thói quen uống rượu say, không có thái độ hối lỗi, không thăm hỏi hay đến đón vợ quay về. Hai bên không còn quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc lẫn nhau. Tại biên bản xác minh ở khu dân cư và chính quyền địa phương đã xác nhận anh Thế Anh thường xuyên đi uống rượu, về nhà muộn vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi vã.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phùng Thế A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phùng Thế A.

[3] Về con chung: Chị N và anh Thế Anh đều xác nhận có 02 con chung là cháu Phùng Thị Mai H, sinh ngày 18/5/2012 và cháu Phùng Thị Mai L, sinh ngày 24/10/2014.

Sau khi ly hôn, chị N đề nghị được nuôi cháu lớn là Phùng Thị Mai H, anh Phùng Thế A nuôi cháu nhỏ là cháu Phùng Thị Mai L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Thế Anh đề nghị được nuôi dưỡng cả 2 con chung và không đề nghị chị N cấp dưỡng.

Xét thấy về điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Tòa án đã tiến hành xác minh điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị N và anh Thế Anh. Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và biên bản xác minh tại địa phương cho thấy chị N có công việc thu nhập ổn định, hiện đang là công nhân tại công ty ở xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Thu nhập trung bình một tháng là 7,5 triệu đồng đến 8 triệu đồng. Về điều kiện ăn ở cũng như điều kiện chăm sóc con đều đảm bảo. Anh Thế Anh là lao động tự do, thu nhập không ổn định, trung bình một tháng từ 6 triệu đồng đến 7 triệu đồng, tuy nhiên sinh hoạt cá nhân hay đi uống rượu về muộn, như vậy không đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục cả hai cháu. Xét thấy cháu Phùng Thị Mai H đang bị bệnh tiểu đường, cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ và tại bản tự khai cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy cần giao cháu Hương cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Giao cháu Ly cho anh Phùng Thế A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

- Về cấp dưỡng: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Chị Nụ và anh Anh đều xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phùng Thế A.

2. Về con chung: Chị Nụ và anh Anh có 02 con chung là cháu Phùng Thị Mai H, sinh ngày 18/5/2012 và cháu Phùng Thị Mai L, sinh ngày 24/10/2014.

Giao cháu Phùng Thị Mai H, sinh ngày 18/5/2012 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ khi bản án này có hiệu lực cho đến khi cháu Hương thành niên.

Giao cháu Phùng Thị Mai L, sinh ngày 24/10/2014 cho anh Phùng Thế A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ khi bản án này có hiệu lực cho đến khi cháu Ly thành niên.

Chị Nụ và anh Anh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

3- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Chị Nụ và anh Anh đều xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nụ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002821 ngày 06/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Xác nhận chị Nụ đã nộp xong).

“Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm chỉ Nụ có mặt được quyền kháng cáo, anh Anh vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú để yêu cầu TAND tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm .

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- UBND xã TV (Nơi ĐKKH);
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hs - VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Xuân Bộ